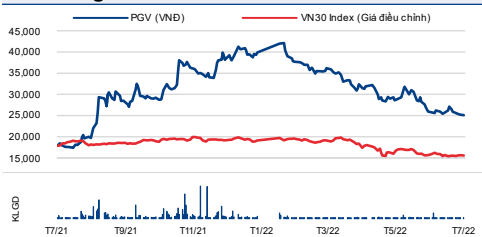


Mua vào

 Giá mục tiêu: VNĐ40,800
 Tiềm năng tăng/giảm: 62.5%

| Giá cổ phiếu (đồng) (26/7/2022) | 25,100 |
|---------------------------------|--------------------------------|
| Mã Bloomberg | PGV.VN |
| Giá cao/thấp 52 tuần (đ) | 17,285-42,400 |
| GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ) | 25,133 |
| Vốn hóa thị trường (tỷ đ) | 28,199 |
| Vốn hóa trị trường (tr.USD) | 1,207 |
| Slg CP lưu hành (tr.đ) | 1,123 |
| Slg CP NN được sở hữu (tr.đ) | 550 |
| Slg CP NN được mua (tr.đ) | 550 |
| Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN | 49.0% |
| Tỷ lệ sở hữu của NN | 0% |
| Tỷ lệ freefloat | 5.53% |
| Cổ đông lớn | I - VN - overwrite nam (94.5%) |

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá


Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

| Cuối năm: Thg12 | 12-21A | 12-22F | 12-23F |
|---------------------------|--------|--------|--------|
| Doanh thu thuần (tỷ đồng) | 37,695 | 48,133 | 51,834 |
| EBITDA đc (tỷ đồng) | 8,170 | 8,974 | 8,776 |
| LNTT (tỷ đồng) | 3,866 | 3,184 | 3,227 |
| LNT ĐC (tỷ đồng) | 2,312 | 2,669 | 2,682 |
| FCF (tỷ đồng) | 83.1 | 6,264 | 6,425 |
| EPS ĐC (đồng) | 2,108 | 2,376 | 2,387 |
| DPS (đồng) | 500 | 1,700 | 1,800 |
| BVPS (đồng) | 15,116 | 15,588 | 16,058 |
| Tăng trưởng EBITDA ĐC (%) | (7.31) | 9.84 | (2.21) |
| Tăng trưởng EPS ĐC (%) | 69.1 | (20.6) | 1.34 |
| Tăng trưởng DPS (%) | 2,655 | 240 | 5.88 |
| Tỷ suất EBITDA ĐC (%) | 21.7 | 18.6 | 16.9 |
| Tỷ suất LNTT (%) | 10.3 | 6.62 | 6.23 |
| Tỷ suất LNT ĐC (%) | 8.21 | 5.23 | 4.92 |
| Tỷ lệ LN thuần trả CT (%) | 17.7 | 75.9 | 79.3 |
| Nợ thuần/VCSH (%) | 249 | 196 | 171 |
| ROAE (%) | 19.6 | 14.6 | 14.3 |
| ROACE (%) | 6.18 | 7.95 | 8.34 |
| EV/doanh thu (lần) | 1.87 | 1.30 | 1.14 |
| EV/EBITDA ĐC (lần) | 8.62 | 6.96 | 6.72 |
| P/E ĐC (lần) | 11.9 | 10.6 | 10.5 |
| P/B (lần) | 1.66 | 1.61 | 1.56 |
| Lợi suất cổ tức (%) | 1.99 | 6.77 | 7.17 |

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Tổng công ty phát điện lớn thứ 2 Việt Nam với tổng công suất đặt 5.983 MW gồm cả thủy điện, điện khí, điện than, và điện mặt trời.

Chuyên viên phân tích
Trương Thu Mỹ
 Giám Đốc, Ngành Năng Lượng
 my.tt@hsc.com.vn
 +84 24 3933 4693 Ext. 4806

Q2/2022: Lợi nhuận thấp do thiếu hụt than

- PGV công bố KQKD yếu trong Q2/2022 với lợi nhuận thuần là 407 tỷ đồng (giảm 52,3%), thấp hơn 10% so với dự báo của chúng tôi.
- Sản lượng tiêu thụ điện thấp do tình trạng thiếu hụt than và khoản lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện là những nguyên nhân chính khiến lợi nhuận sụt giảm.
- HSC duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu là 40.800đ (tiềm năng tăng giá là 62,5%).

Sự kiện: Công bố KQKD Q2/2022

PGV công bố KQKD Q2/2022 yếu với doanh thu đạt 11.891 tỷ đồng (tăng 13,3% so với cùng kỳ) và lợi nhuận thuần là 407 tỷ đồng (giảm 52,3% so với cùng kỳ) với sản lượng điện tiêu thụ là 7.011 triệu kWh. Cả lợi nhuận thuần và sản lượng tiêu thụ điện đều thấp hơn 10% so với dự báo của chúng tôi.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2022, doanh thu đạt 22.796 tỷ đồng (tăng 16,1% so với cùng kỳ) và lợi nhuận thuần là 1.255 tỷ đồng (giảm 23,5% so với cùng kỳ) với sản lượng tiêu thụ điện là 14.252 triệu kWh (giảm 0,8% so với cùng kỳ). Lợi nhuận thuần và sản lượng tiêu thụ điện thấp hơn 5% so với dự báo của chúng tôi.

Lợi nhuận cốt lõi chịu ảnh hưởng do thiếu hụt than

Kể từ tháng 3/2022, thế giới đã trải qua tình trạng thiếu hụt than do châu Âu cấm vận than xuất khẩu từ Nga. Thị trường thắt chặt cùng với giá tăng cao đã khiến Việt Nam không thể nhập khẩu than. Trong 6 tháng đầu năm 2022, sản lượng than nhập khẩu của Việt Nam để phát điện giảm 70% so với cùng kỳ. Tình trạng thiếu hụt than này đã gây ra việc thiếu hụt năng lượng do nguồn cung than trong nước của Việt Nam chỉ đáp ứng 70% nhu cầu than để sản xuất điện.

Do công suất điện than chiếm 41,6% tổng công suất phát điện, PGV là một trong những doanh nghiệp sản xuất điện ảnh hưởng bởi tình trạng thiếu hụt than, khiến sản lượng điện của Công ty giảm 10% trong Q2/2022.

Lợi nhuận thuần sụt giảm do lỗ từ chênh lệch tỷ giá chưa hạch toán

Với việc 85% các khoản nợ để xây dựng nhà máy điện của PGV được niêm yết theo đồng USD, việc USD tăng giá vào cuối Q2/2022 đã gây ra khoản lỗ từ chênh lệch tỷ giá khoảng 385 tỷ đồng (76,7% LNTT Q2/2022 của PGV). Đây là nguyên nhân chính khiến lợi nhuận thấp trong Q2/2022.

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu

Trong khi tình trạng thiếu hụt than hiện đã hạ nhiệt và sẽ không tác động đáng kể tới lợi nhuận của PGV trong nửa cuối năm 2022, lỗ từ chênh lệch tỷ giá vẫn là yếu tố lớn nhất có thể tác động tới lợi nhuận của PGV trong ngắn hạn. Tuy nhiên, chúng tôi dự báo dựa trên lợi nhuận cốt lõi, không bao gồm lỗ/lãi từ chênh lệch tỷ giá, do đó, HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và dự báo giai đoạn 2022-2024.

Chúng tôi duy trì quan điểm với công suất thiết kế là 5.983MW, bao gồm thủy điện, điện than, điện khí và điện mặt trời, PGV sẽ hưởng lợi từ nhu cầu tiêu thụ điện đang gia tăng của Việt Nam.

Bảng 1: KQKD Q2/2022 và 6T/2022, PGV
Lợi nhuận giảm nhẹ so sản lượng điện giảm

| Tỷ đồng | Q2/22 | % y/y | 6T/22 | % y/y | 6T/22 so với kế hoạch | 6T/22 so với dự báo HSC |
|-------------------------|--------|--------|--------|--------|-----------------------|-------------------------|
| Doanh thu | 11,891 | 13.3% | 22,796 | 16.1% | 50.2% | 47.4% |
| Lợi nhuận gộp | 1,214 | -0.4% | 2,525 | 22.9% | n/a | 48.7% |
| Lãi/(lỗ) tài chính ròng | -560 | 0.0% | -560 | 0.0% | n/a | 42.7% |
| Chi phí BH&QL | 156 | -1.4% | 252 | 0.0% | n/a | 30.8% |
| LNTT | 502 | -49.3% | 1,557 | -18.7% | 70.2% | 48.9% |
| LNST | 420 | -51.0% | 1,263 | -23.2% | 69.1% | 49.6% |
| Lợi nhuận thuần | 407 | -52.3% | 1,255 | -23.5% | n/a | 49.9% |
| Sản lượng điện | 7,011 | -10.0% | 14,252 | -0.8% | 49.7% | 47.3% |

Nguồn: PGV, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

| Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng) | 12-20A | 12-21A | 12-22F | 12-23F | 12-24F |
|-------------------------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| Doanh thu | 40,367 | 37,695 | 48,133 | 51,834 | 54,721 |
| Lợi nhuận gộp | 4,760 | 4,346 | 5,189 | 5,053 | 5,327 |
| Chi phí BH&QL | (603) | (681) | (818) | (881) | (930) |
| Thu nhập khác | - | - | - | - | - |
| Chi phí khác | - | - | - | - | - |
| EBIT | 4,157 | 3,665 | 4,370 | 4,172 | 4,396 |
| Lãi vay thuần | (1,949) | 86.0 | (1,311) | (1,074) | (1,028) |
| Lãi/lỗ trong Cty LD,LK | 85.2 | 119 | 125 | 129 | 133 |
| Lợi nhuận khác | (1.38) | (3.66) | 0 | 0 | 0 |
| LN không thường xuyên | - | - | - | - | - |
| LNTT | 2,292 | 3,866 | 3,184 | 3,227 | 3,501 |
| Chi phí thuế TNDN | (477) | (733) | (637) | (645) | (700) |
| Lợi ích cổ đông thiểu số | (29.2) | (37.8) | (30.6) | (31.0) | (33.6) |
| LNST không thường xuyên | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Lợi nhuận thuần | 1,786 | 3,096 | 2,517 | 2,551 | 2,767 |
| Lợi nhuận thuần ĐC | 2,093 | 2,312 | 2,669 | 2,682 | 2,878 |
| EBITDA ĐC | 8,814 | 8,170 | 8,974 | 8,776 | 9,000 |
| EPS (đồng) | 1,669 | 2,823 | 2,240 | 2,270 | 2,463 |
| EPS ĐC (đồng) | 1,956 | 2,108 | 2,376 | 2,387 | 2,561 |
| DPS (đồng) | 18.1 | 500 | 1,700 | 1,800 | 1,800 |
| Slg CP bình quân (triệu đv) | 1,070 | 1,097 | 1,123 | 1,123 | 1,123 |
| Slg CP cuối kỳ (triệu đv) | 1,070 | 1,123 | 1,123 | 1,123 | 1,123 |
| Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv) | 1,070 | 1,097 | 1,123 | 1,123 | 1,123 |

| Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng) | 12-20A | 12-21A | 12-22F | 12-23F | 12-24F |
|---------------------------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|
| Tiền & tương đương tiền | 2,607 | 2,393 | 2,368 | 592 | 1,902 |
| Đầu tư ngắn hạn | 4,309 | 4,113 | 4,318 | 4,534 | 4,761 |
| Phải thu khách hàng | 9,839 | 10,421 | 11,480 | 12,362 | 13,051 |
| Hàng tồn kho | 4,320 | 3,690 | 4,723 | 5,145 | 5,433 |
| Các tài sản ngắn hạn khác | 99.4 | 118 | 117 | 128 | 135 |
| Tổng tài sản ngắn hạn | 21,173 | 20,734 | 23,006 | 22,761 | 25,282 |
| TSCĐ hữu hình | 48,212 | 44,275 | 40,209 | 36,150 | 32,099 |
| TSCĐ vô hình | 105 | 590 | 583 | 575 | 565 |
| Bất động sản đầu tư | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Đầu tư dài hạn | 708 | 721 | 520 | 520 | 520 |
| Đầu tư vào Cty LD,LK | 1,538 | 1,727 | 1,979 | 2,053 | 2,133 |
| Tài sản dài hạn khác | 1,164 | 1,215 | 1,448 | 1,559 | 1,646 |
| Tổng tài sản dài hạn | 51,727 | 48,528 | 44,738 | 40,857 | 36,964 |
| Tổng cộng tài sản | 72,900 | 69,262 | 67,745 | 63,618 | 62,246 |
| Nợ ngắn hạn | 4,943 | 4,898 | 2,407 | 2,592 | 5,472 |
| Phả trả người bán | 4,833 | 3,653 | 4,724 | 5,146 | 5,433 |
| Nợ ngắn hạn khác | 1,676 | 2,789 | 7,712 | 7,924 | 8,089 |
| Tổng nợ ngắn hạn | 11,740 | 11,808 | 15,239 | 16,064 | 19,431 |
| Nợ dài hạn | 45,847 | 39,757 | 34,257 | 28,757 | 23,257 |
| Thuế TNDN hoãn lại phải trả | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Nợ dài hạn khác | 349 | 333 | 350 | 368 | 386 |
| Tổng nợ dài hạn | 46,196 | 40,091 | 34,607 | 29,125 | 23,643 |
| Tổng nợ phải trả | 57,936 | 51,898 | 49,847 | 45,189 | 43,074 |
| Vốn chủ sở hữu | 14,594 | 16,982 | 17,513 | 18,040 | 18,778 |
| Lợi ích cổ đông thiểu số | 370 | 381 | 385 | 389 | 393 |
| Tổng vốn chủ sở hữu | 14,964 | 17,364 | 17,898 | 18,429 | 19,171 |
| Tổng nợ phải trả và VCSH | 72,900 | 69,262 | 67,745 | 63,618 | 62,246 |
| BVPS (đ) | 13,639 | 15,116 | 15,588 | 16,058 | 16,715 |
| Nợ thuần*/(tiền mặt) | 48,183 | 42,262 | 34,296 | 30,757 | 26,827 |

| Báo cáo LCTT (tỷ đồng) | 12-20A | 12-21A | 12-22F | 12-23F | 12-24F |
|--------------------------------------------|----------------|--------------|----------------|----------------|----------------|
| EBIT | 4,157 | 3,665 | 4,370 | 4,172 | 4,396 |
| Khấu hao | (4,657) | (4,505) | (4,604) | (4,604) | (4,604) |
| Lãi vay thuần | (1,949) | 86.0 | (1,311) | (1,074) | (1,028) |
| Thuế TNDN đã nộp | (273) | (537) | 637 | 645 | 700 |
| Thay đổi vốn lưu động | (7,279) | (5,461) | (1,511) | (1,328) | (1,212) |
| Khác | - | - | - | - | - |
| LCT thuần từ HĐKD | 1,105 | 1,032 | 6,793 | 6,962 | 7,341 |
| Đầu tư TS dài hạn | (366) | (949) | (530) | (537) | (543) |
| Góp vốn & đầu tư | (2,356) | (912) | (206) | (216) | (227) |
| Thanh lý | 2,116 | 1,024 | 0 | 0 | 0 |
| Khác | 412 | 401 | 318 | 352 | 382 |
| LCT thuần từ HĐĐT | (194) | (435) | (417) | (401) | (388) |
| Cổ tức trả cho CSH | (19.4) | (89.6) | (1,910) | (2,022) | (2,022) |
| Thu từ phát hành CP | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Tăng/giảm nợ | (1,829) | (927) | 3,500 | (1,000) | (1,000) |
| Khác | 642 | 206 | (7,992) | (5,315) | (2,620) |
| LCT thuần từ HĐTC | (1,206) | (811) | (6,402) | (8,337) | (5,642) |
| Tiền & tương đương tiền đầu kì | 2,901 | 2,607 | 2,393 | 2,368 | 592 |
| LCT thuần trong kỳ | (294) | (214) | (25.4) | (1,776) | 1,311 |
| Ảnh hưởng của tỷ giá | (0.00) | (0.00) | 0 | 0 | 0 |
| Tiền & tương đương tiền cuối kì | 2,607 | 2,393 | 2,368 | 592 | 1,902 |
| Dòng tiền tự do | 739 | 83.1 | 6,264 | 6,425 | 6,798 |

| Các chỉ số tài chính | 12-20A | 12-21A | 12-22F | 12-23F | 12-24F |
|---------------------------|--------|--------|--------|--------|--------|
| Chỉ số hoạt động | | | | | |
| Tỷ suất LN gộp (%) | 11.8 | 11.5 | 10.8 | 9.75 | 9.73 |
| Tỷ suất EBITDA ĐC (%) | 21.8 | 21.7 | 18.6 | 16.9 | 16.4 |
| Tỷ suất LNT (%) | 4.42 | 8.21 | 5.23 | 4.92 | 5.06 |
| Thuế TNDN hiện hành (%) | 20.8 | 18.9 | 20.0 | 20.0 | 20.0 |
| Tăng trưởng doanh thu (%) | (8.50) | (6.62) | 27.7 | 7.69 | 5.57 |
| Tăng trưởng EBITDA ĐC (%) | (4.75) | (7.31) | 9.84 | (2.21) | 2.55 |
| Tăng trưởng LNT ĐC (%) | 25.3 | 10.4 | 15.5 | 0.48 | 7.30 |
| Tăng trưởng EPS (%) | 108 | 69.1 | (20.6) | 1.34 | 8.49 |
| Tăng trưởng EPS ĐC (%) | 25.3 | 7.73 | 12.7 | 0.48 | 7.30 |
| Tăng trưởng DPS (%) | nm | 2,655 | 240 | 5.88 | 0 |
| Tỷ lệ LN thuần trả CT (%) | 1.09 | 17.7 | 75.9 | 79.3 | 73.1 |
| Chỉ số lợi nhuận | | | | | |
| ROAE (%) | 13.4 | 19.6 | 14.6 | 14.3 | 15.0 |
| ROACE (%) | 6.67 | 6.18 | 7.95 | 8.34 | 9.73 |
| Vòng quay tài sản (lần) | 0.55 | 0.53 | 0.70 | 0.79 | 0.87 |
| Tiền mặt HD/EBIT (lần) | 0.27 | 0.28 | 1.55 | 1.67 | 1.67 |
| Số ngày tồn kho | 44.3 | 40.4 | 40.1 | 40.1 | 40.1 |
| Số ngày phải thu | 101 | 114 | 97.6 | 96.5 | 96.4 |
| Số ngày phải trả | 49.5 | 40.0 | 40.2 | 40.2 | 40.2 |
| Cơ cấu vốn | | | | | |
| Nợ thuần*/VCSH (%) | 330 | 249 | 196 | 171 | 143 |
| Nợ/tài sản (%) | 69.7 | 64.5 | 54.1 | 49.3 | 46.2 |
| EBIT/lãi vay (lần) | 2.13 | N/a | 3.33 | 3.88 | 4.28 |
| Nợ/EBITDA (lần) | 5.76 | 5.47 | 4.09 | 3.57 | 3.19 |
| Chỉ số TT hiện thời (lần) | 1.80 | 1.76 | 1.51 | 1.42 | 1.30 |
| Định giá | | | | | |
| EV/doanh thu (lần) | 1.86 | 1.87 | 1.30 | 1.14 | 1.01 |
| EV/EBITDA ĐC (lần) | 8.51 | 8.62 | 6.96 | 6.72 | 6.11 |
| P/E (lần) | 15.0 | 8.89 | 11.2 | 11.1 | 10.2 |
| P/E ĐC (lần) | 12.8 | 11.9 | 10.6 | 10.5 | 9.80 |
| P/B (lần) | 1.84 | 1.66 | 1.61 | 1.56 | 1.50 |
| Lợi suất cổ tức (%) | 0.07 | 1.99 | 6.77 | 7.17 | 7.17 |

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn